



Chuyên viên Phân tích

**Đỗ Trung Nguyên**

[nguyendt@gtjas.com.vn](mailto:nguyendt@gtjas.com.vn)

(024) 35.730.073 - ext:702

## **NHẬN ĐỊNH CHIẾN LƯỢC**

Thứ thay đổi duy nhất trong tuần vừa qua so với tuần trước đó có lẽ là về mặt thời gian, khi chúng ta thoát khỏi trạng thái thanh khoản ẻo lợt của tuần giao dịch cuối năm và thị trường trở lại với những chuyển động cùng chiều xu hướng trước đó vốn đang là tăng. Tuy nhiên, điều có thể nhận thấy là sau ngày thứ ba bật tăng thì đà tăng không được duy trì và mở rộng trong các ngày còn lại của tuần. Thị trường hiện tại đang rơi vào khoảng trống thông tin khi mà các thông tin vĩ mô không có gì quá bất ngờ, thanh khoản hệ thống tài chính ngân hàng không có biến động, và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp trong quý cuối cùng của năm 2022 thì sắp tới đây mới được công bố. Tuy nhiên, để dự đoán thì sẽ là hoàn toàn không bất ngờ nếu chúng ta chứng kiến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp suy giảm trong quý 4/2022, trong trường hợp xấu.

## **CHIẾN THUẬT GIAO DỊCH**

Thị trường có tuần tăng điểm nhưng quan điểm chung vẫn được duy trì: Đây không phải là thời điểm thích hợp cho việc giải ngân cho mục tiêu giao dịch ngắn hạn, thậm chí nên cân nhắc đóng vị thế. Đồng thời, cũng vẫn chưa phải là thời điểm phù hợp trở lại cho việc tích lũy trung dài hạn.



**DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM**

**Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)**

**Kỳ đầu tư: 6-18 tháng**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
BID	24/02/22	1	44,600	Mua	55,000	17.0%	32.1%		-6.6%
VHM	15/02/21	3	77,730	Nắm giữ	81,800	5.2%	63.9%		-11.1%
TCB	27/01/22	1	52,400	Mua	64,500	23.1%	132.9%		-47.1%
NLG	23/08/21	1	35,830	Nắm giữ	34,100	-4.8%	13.1%		-16.3%
MWG*	06/08/21	3	56,500	Nắm giữ	60,650	7.3%	40.6%		81.1%
CTG	04/08/21	1	33,200	Mua	38,400	15.7%	34.3%		-13.9%
VPB*	05/02/21	2	15,213	Nắm giữ	16,447	8.1%		15.2%	102.2%
VIB*	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%	56.1%		-18.6%
TPB*	05/02/21	1	19,778	Nắm giữ	25,556	29.2%	13.6%		13.8%
PNJ*	31/07/20	2	80,300	Nắm giữ	85,400	6.3%		3.3%	75.0%
SBT*	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%	64.2%		-25.9%
QNS*	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	57.4%		-7.8%

(\*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

**Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)**

**Kỳ đầu tư: 3-6 tháng**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Lợi nhuận kỳ vọng	Lãi/Lỗ hiện tại
VCB	2/8/2022	75,000 - 79,000	101,000	31.20%	9.1%
BID	2/8/2022	37,000 - 40,000	52,000	35.10%	8.2%
MBB	2/8/2022	21,667 - 22,917	30,000	34.60%	-18.1%
VND	2/8/2022	19,800 - 21,000	28,500	39.70%	-29.9%
VCI	2/8/2022	31,608 - 33,915	45,454	37.90%	-21.9%
HPG	2/8/2022	22,000 - 23,500	31,000	36.30%	-14.7%
NKG	2/8/2022	18,000 - 19,500	25,500	36.00%	-29.3%
PVD*	8/8/2022	17,000 - 18,600	22,700	27.50%	3.4%
LHG	12/8/2022	37,000 - 40,000	58,000	50.65%	-40.5%
SNZ	12/8/2022	40,400 - 45,000	64,000	49.88%	-46.8%
VCI	12/8/2022	35,385 - 37,692	46,154	26.32%	-29.9%
PVS	23/8/2022	26,800 - 29,000	37,000	32.62%	-17.9%
PVC	23/8/2022	18,800 - 22,200	26,700	30.24%	-33.7%



## VN-INDEX



(Đồ thị tuần của VNIndex)



(Đồ thị ngày của VNIndex)

### Nhận định

VNINDEX có tuần tăng 4.4%, biên độ dao động cả tuần trung bình, mở cửa tuần cao hơn tham chiếu và thấp nhất tuần, đóng cửa tuần cao hơn mở cửa tuần và thấp hơn mức cao nhất tuần, khối lượng giao dịch cả tuần cao hơn tuần liền trước và thấp hơn trung bình những tuần trước đó.

Trở lại sau kì nghỉ lễ ngắn và chỉ có bốn ngày giao dịch cho cả tuần nhưng khối lượng giao dịch cả tuần vẫn cao hơn so với tuần trước đó. Trạng thái thanh khoản heo hút đã thay đổi ngay ngày mở cửa tuần vừa qua khi lực mua được đẩy vào thị trường khá mạnh mẽ và giúp thị trường tăng điểm hưng phấn trên diện rộng. Mức thanh khoản trong ba ngày sau đó không suy giảm và cũng không gia tăng quá nhiều, biên độ dao động thu hẹp lại đáng kể và diễn biến trở thành tăng giảm đan xen.

Thứ thay đổi duy nhất trong tuần vừa qua so với tuần trước đó có lẽ là về mặt thời gian, khi chúng ta thoát khỏi trạng thái thanh khoản ẻo uột của tuần giao dịch cuối năm và thị trường trở lại với những chuyển động cùng chiều xu hướng trước đó vốn đang là tăng. Tuy nhiên, điều có thể nhận thấy là sau ngày thứ ba bật tăng thì đà tăng không được duy



trì và mở rộng trong các ngày còn lại của tuần. Thị trường hiện tại đang rơi vào khoảng trống thông tin khi mà các thông tin vĩ mô không có gì quá bất ngờ, thanh khoản hệ thống tài chính ngân hàng không có biến động, và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp trong quý cuối cùng của năm 2022 thì sắp tới đây mới được công bố. Tuy nhiên, để dự đoán thì sẽ là hoàn toàn không bất ngờ nếu chúng ta chứng kiến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp suy giảm trong quý 4/2022, trong trường hợp xấu.

Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
Hỗ trợ	870 - 900
Kháng cự	1,080 - 1,090



## THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG

### 1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

*Các trạng thái đã chốt lời một phần của Danh mục*

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Giá đóng cửa tại ngày chốt	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	70,800	416.8%	76,500	458.4%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	97,000	265.7%	104,500	294.0%

*Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục*

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
BMC	11/10/21	25,200 – 27,200	45,200	21,100	1:3	1.1%	33,000	21.3%
TNG	24/08/21	22,833 – 24,120	31,833	21,481	1:3	36.8%	38,950	61.5%
SLS	18/08/21	131,000 – 147,000	212,000	125,000	1:3	2.0%	172,730	17.5%
BWE*	16/07/21	35,000 – 36,000	45,000	32,900	1:3	58.3%	62,000	72.2%
LAS*	21/06/21	13,000 – 14,000	19,000	11,800	1:2.3	78.6%	27,800	98.6%
ABI*	17/06/21	45,614 – 49,123	65,789	42,982	1:2.7	26.2%	68,000	38.4%
VND*	09/06/21	14,600 – 15,600	21,000	13,500	1:2.5	105.1%	36,250	132.4%
DPG*	31/05/21	26,500 – 27,929	42,571	24,000	1:4	199.0%	97,920	250.6%
GVR	28/05/21	26,300 – 29,500	48,400	23,900	1:3.5	25.1%	43,300	46.8%
BID	28/05/21	36,400 – 38,400	51,600	33,600	1:3	15.9%	49,950	30.1%
SSI*	20/05/21	21,000 – 22,300	27,850	19,700	1:2	81.6%	52,130	133.8%
SGR	12/05/21	25,500 – 28,500	44,000	24,000	1:3.5	35.2%	43,550	61.3%
BSR*	11/05/21	14,900 – 16,100	22,000	13,600	1:2.3	100.6%	33,500	108.1%
SMC*	11/05/21	29,000 – 31,250	41,670	25,850	1:2	12.6%	45,740	46.4%
BCG*	12/04/21	13,200 – 13,600	17,533	12,333	1:3	98.5%	28,850	112.1%
GMD*	07/04/21	33,800 – 35,000	53,800	32,700	1:5	68.6%	62,200	77.7%
STB*	30/03/21	19,500 – 21,000	28,500	18,300	1:3	61.9%	36,700	74.8%
TTF*	29/03/21	6,900 – 7,500	13,000	6,200	1:4	93.3%	17,950	139.3%
VIC*	26/03/21	96,900 – 101,300	128,900	95,100	1:4.5	6.6%	129,690	28.0%
VCB	18/03/21	74,530 – 76,250	97,000	72,700	1:6	18.0%	96,000	25.9%
GEG*	08/03/21	15,610 – 16,650	24,245	14,580	1:4	47.1%	27,360	35.1%
FCN*	08/03/21	13,700 – 14,700	21,700	13,100	1:4.5	97.3%	37,000	151.7%
PVD*	05/03/21	23,500 – 25,500	40,000	21,900	1:4	41.6%	33,580	58.0%
TIG*	05/03/21	7,545 – 8,455	13,636	7,273	1:4.5	172.0%	28,800	240.6%
GAS*	17/02/21	80,000 – 83,500	117,000	73,700	1:3.5	44.9%	130,440	56.2%
CNG*	17/02/21	19,900 – 21,000	29,500	18,600	1:3.5	119.0%	49,100	133.8%
CCL*	17/02/21	8,930 – 9,820	16,070	7,770	1:3	73.1%	18,570	89.1%
SAM*	17/02/21	10,730 – 11,590	21,555	9,770	1:5	81.2%	28,260	143.8%
LAF*	27/01/21	12,800 – 14,500	21,500	11,800	1:2.5	57.9%	27,000	86.2%
VSH*	25/01/21	18,000 – 19,700	30,000	16,900	1:3.5	132.0%	48,000	143.7%
MSR*	21/12/20	19,000 – 21,000	31,000	17,800	1:3	40.5%	34,300	63.3%
SFI*	09/12/20	29,200 – 31,000	46,500	27,700	1:5	153.2%	88,260	184.7%
PGV*	23/11/20	12,510 – 13,462	22,510	11,271	1:4	174.8%	42,290	85.6%
CKG*	19/11/20	8,230 – 8,650	11,300	7,890	1:3.5	283.8%	41,800	383.2%
DRI*	20/10/20	4,030 – 4,530	9,530	3,230	1:4	312.8%	20,780	358.7%
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	1:3	508.0%	100,000	629.9%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	1:4	322.3%	125,200	372.1%
IDC*	28/05/21	36,000 – 38,500	56,000	33,000	1:3	55.1%	59,700	55.1%
SGP*	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	281.8%	42,000	281.8%
SMC*	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36*	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS*	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS*	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC*	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%



**Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt lỗ**

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

**Các trạng thái đã cắt lỗ**

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

**2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)**

**Các mã đã rút khỏi Danh mục**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Lợi nhuận	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
TDM*	30/07/21	30,050	40,000	33.1%	32.8%	41.1%
HAH*	03/08/21	34,300	42,100	22.7%	268.1%	469.9%
OCB*	02/08/21	24,300	27,700	14.0%	25.5%	53.0%
SZC*	23/04/21	35,750	41,000	14.7%	38.1%	144.3%
DHC*	30/10/20	34,440	38,760	17.1%	88.7%	171.2%
ACB*	05/02/21	22,830	29,110	27.5%	58.3%	69.8%
MBB*	11/06/21	29,185	32,593	11.7%	113.3%	175.7%

**Các lần điều chỉnh giá mục tiêu**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
VHM*	31/05/21	75,820	75,550	0%	38.6%	15/02/22	81,800	+8.3%
MWG*	08/02/21	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
VHM*	16/11/20	76,600	88,315	15.3%	33.9%	31/5/21	102,300	+15.8%
HAH*	31/05/21	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(\*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.  
Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.  
Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.



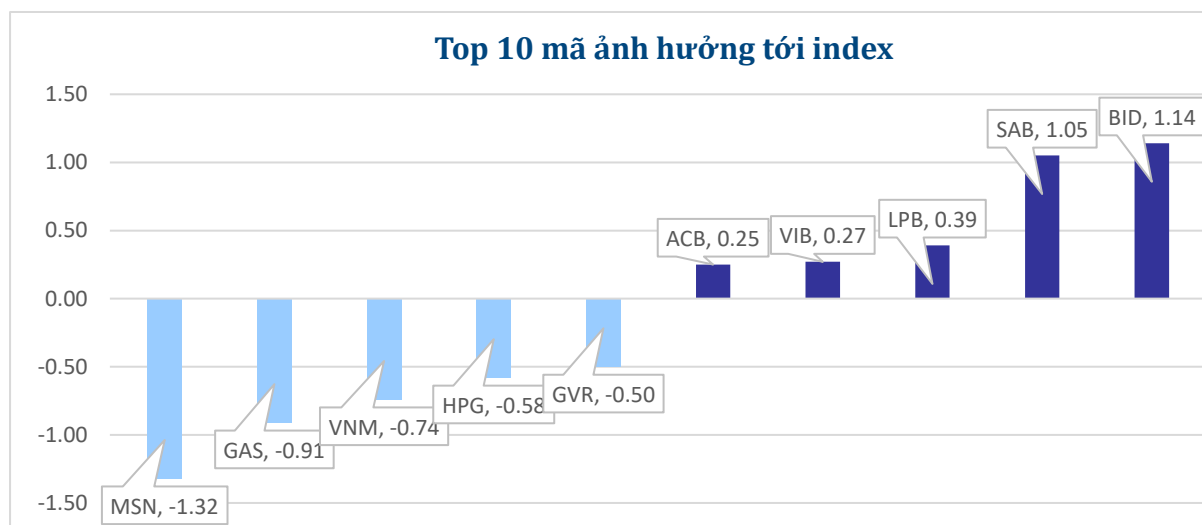
**FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG NGÀY HÔM TRƯỚC**  
**BIẾN ĐỘNG NGÀY**

Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1,051.44	-0.41%	-4.38	698.50	11,946.6	121	57	274
Vn30 - Index	1,057.40	-0.42%	-4.50	224.90	5,213.9	12	4	14
Vn - Mid	1,343.61	-0.59%	-7.91	301.55	5,017.7	16	7	47
VN - Small	1,089.37	-0.94%	-10.29	106.48	1,276.8	51	22	135
HNX - Index	210.65	-1.15%	-2.46	58.61	809.0	55	69	212
Upcom - Index	72.75	-0.10%	-0.07	42.05	435.1	154	101	165

**THANH KHOẢN NGÀY**

Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	11,946.60	30.07%	698.50	30.55%
HNX	809.00	-1.32%	58.61	3.02%

**CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG NGÀY**

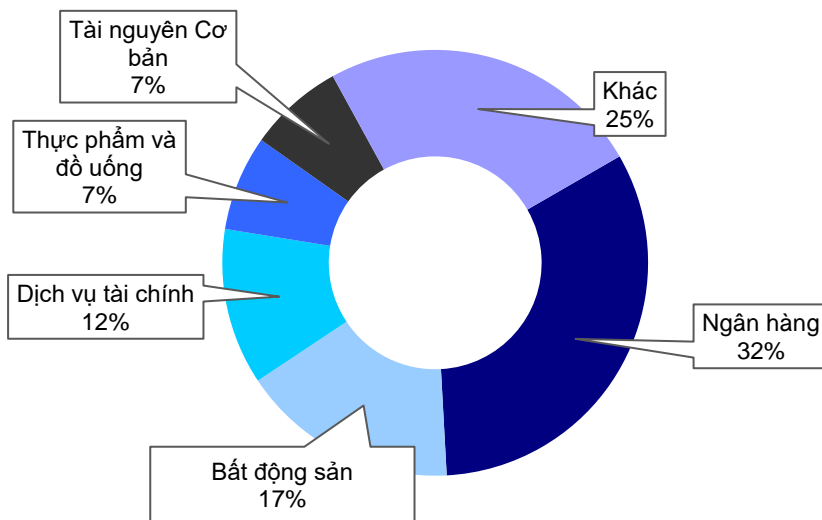


Top KLGD (triệu cổ phiếu)	Top GTGD (tỷ đồng)	Đột biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)	Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)
LPB 46.24	LPB 663.8	LPB 330%	LPB 6.6%	PVT -6.9%
SHB 33.97	STB 633.1	SHB 254%	ANV 4.5%	HBC -6.3%
VPB 31.41	VPB 603.9	VIB 222%	HDC 3.2%	DPM -4.9%
STB 25.67	HPG 386.9	PVT 219%	VIB 2.5%	VCG -4.4%
VND 20.99	SHB 364.8	CTG 214%	BID 2.2%	NKG -4.3%

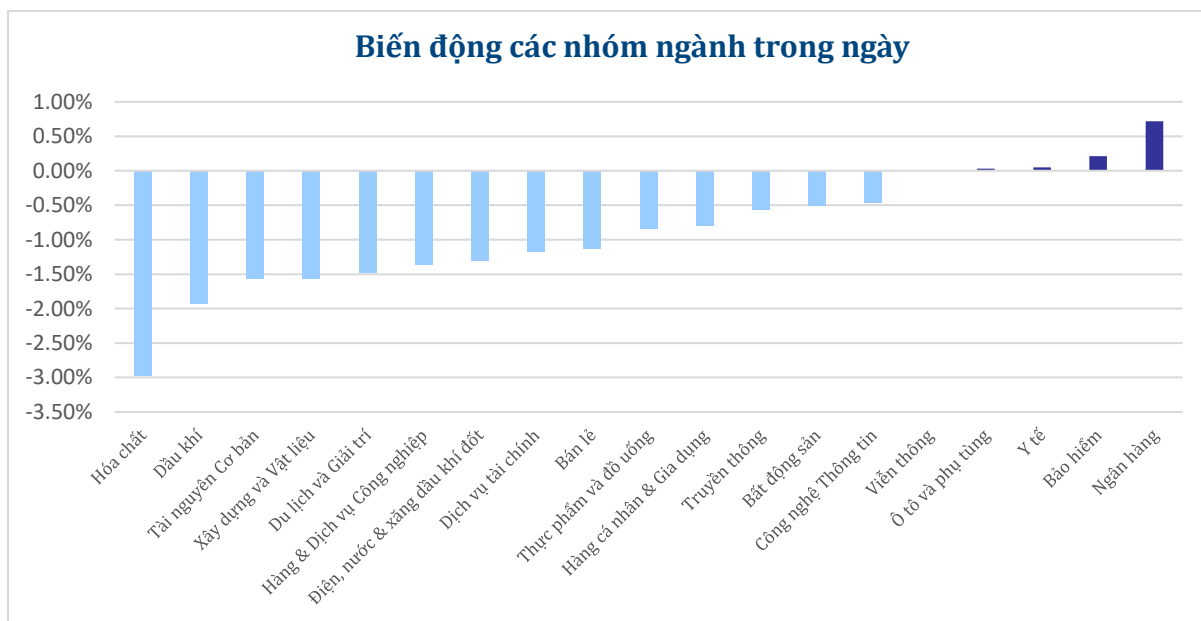


## NHÓM NGÀNH

**Thanh khoản ngành trong ngày**



**Biến động các nhóm ngành trong ngày**



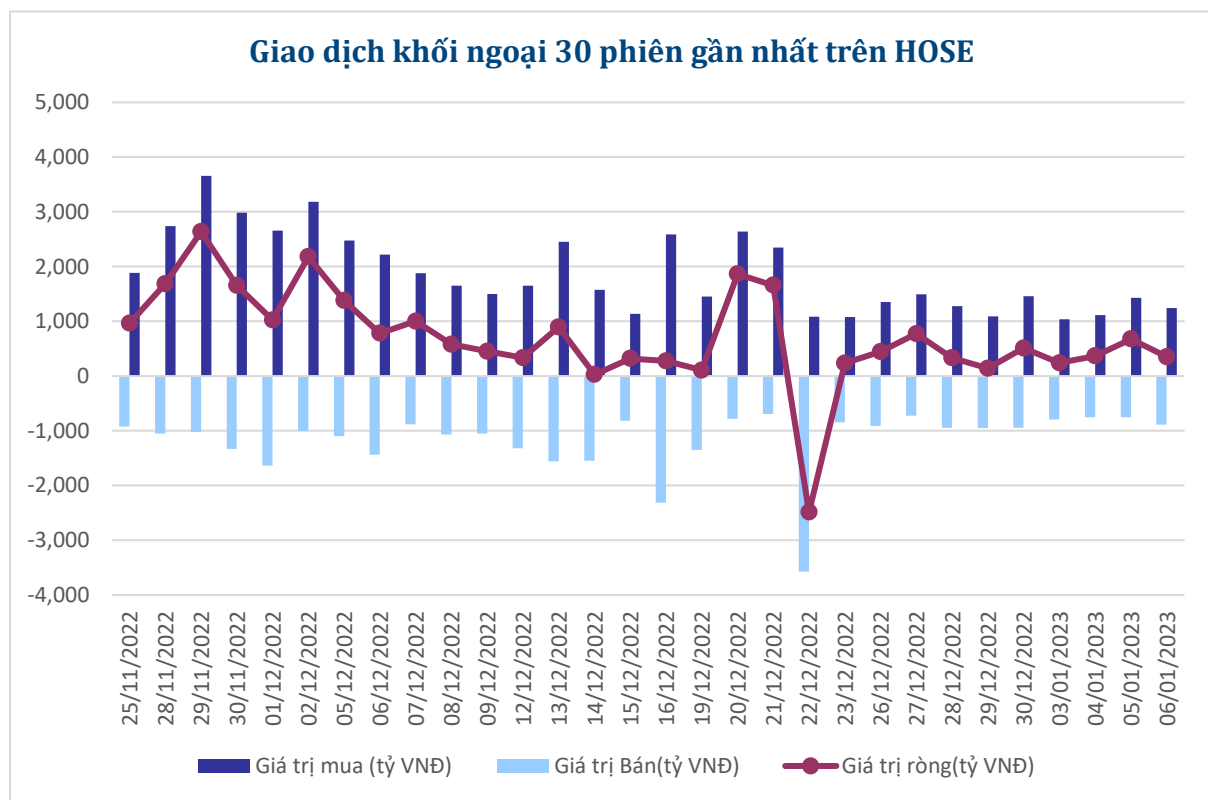




## GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE mua ròng 352.20 tỷ đồng còn trên HNX mua ròng 10.15 tỷ đồng.

Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
HPG	79.24	PVT	34.08
FUESSVFL	38.97	MSN	25.96
FUEVFVND	38.52	DGC	17.26
VRE	32.80	VGC	10.03
VPB	31.00	GVR	9.32





**XẾP HẠNG CỔ PHIẾU**

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index.**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

<b>Khuyến nghị</b>	<b>Định nghĩa</b>
<b>Mua</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq$ 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
<b>Tích lũy</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
<b>Trung lập</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
<b>Giảm tỷ trọng</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
<b>Bán</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

**XẾP HẠNG NGÀNH**

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

<b>Xếp loại</b>	<b>Định nghĩa</b>
<b>Vượt trội</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
<b>Trung lập</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
<b>Kém hiệu quả</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

**KHUYẾN CÁO**

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và không nên xem báo cáo này là nội dung tư vấn đầu tư chứng khoán khi đưa ra quyết định đầu tư và Nhà đầu tư phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại nào là hệ quả phát sinh từ hoặc liên quan tới việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này.

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu của công ty. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và cán bộ, Tổng giám đốc, nhân viên có thể có một mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nỗ lực để chuẩn bị báo cáo trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không tuyên bố hay cam đoan, bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện quan điểm của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo tại thời điểm công bố và không được hiểu là quan điểm của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các Nhà đầu tư bao gồm nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư cá nhân của Guotai Junan Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng tại quốc gia nơi báo cáo này được phân phối và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua, bán hay nắm giữ chứng khoán cụ thể nào ở bất kỳ quốc gia nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng Nhà đầu tư. Nhà đầu tư hiểu rằng có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Nội dung của báo cáo này, bao gồm nhưng không giới hạn nội dung khuyến cáo không phải là căn cứ để Nhà đầu tư hay một bên thứ ba yêu cầu Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và/hoặc chuyên viên chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào với Nhà đầu tư hay một bên thứ ba liên quan đến quyết định đầu tư của Nhà đầu tư và/hoặc nội dung của báo cáo này.

Bản báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện có thẩm quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.



**GUOTAI JUNAN VIETNAM RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY**

**Đỗ Trung Nguyên**

Chief Investment strategy

[nguyendt@gtjas.com.vn](mailto:nguyendt@gtjas.com.vn)

(024) 35.730.073 – ext:702

**Võ Thế Vinh**

Head of Research

[vinhvt@gtjas.com.vn](mailto:vinhvt@gtjas.com.vn) - ext:701



<b>LIÊN HỆ</b>	<b>TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI</b>	<b>CHI NHÁNH TP. HCM</b>
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM
Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999	Điện thoại: (024) 35.730.073	Điện thoại: (028) 38.239.966
Email: <a href="mailto:info@gtjas.com.vn">info@gtjas.com.vn</a> Website: <a href="http://www.gtjai.com.vn">www.gtjai.com.vn</a>	Fax: (024) 35.730.088	Fax: (028) 38.239.696